

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TẬP LUYỆN CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN ĐẤU KIẾM CẤP CAO VIỆT NAM NỘI DUNG KIẾM LIỄU

**Đào Thị Thanh Thúy⁽¹⁾
Bùi Ngọc⁽²⁾**

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: **21/10/2025**

Ngày phản biện: **15/11/2025**

Ngày đăng: **22/12/2025**

Tác giả liên hệ:

Đào Thị Thanh Thúy

Email: thuydtsport@gmail.com

Tập 15, số 6 (2025), trang 33-43

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13960>

Bản quyền © 2025. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường sử dụng trong TDDT, chúng tôi tiến hành xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện (TĐTL) của nam vận động viên (VĐV) Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liểu. Tiêu chuẩn có thể áp dụng trong tuyển chọn và huấn luyện, góp phần nâng cao thành tích thi đấu của nam VĐV Đấu kiếm Việt Nam.

Từ khóa: Kiếm liểu, trình độ tập luyện, nam VĐV cấp cao Việt Nam.

Development of Assessment Standards for Training Levels of Elite Vietnamese Male Foil Fencers

**Dao Thi Thanh Thuy⁽¹⁾
Bui Ngoc⁽²⁾**

Article Information:

Received: **21/10/2025**

Review date: **15/11/2025**

Published: **22/12/2025**

Corresponding Author:

Dao Thi Thanh Thuy

Email: thuydtsport@gmail.com

Vol 15, Issue 6 (2025), pp 33-43

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13960>

Copyright © 2025. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Summary:

Using standard research methods in sport training and coaching science, this study aims to develop evaluation standards for the training status of elite Vietnamese male foil fencers. The proposed standards are intended to support athlete identification, selection, and training management, thereby contributing to the optimization of training processes and the enhancement of competitive performance among elite Vietnamese male foil fencers.

Keywords: Foil fencing; training status; elite male athletes; sport training.

⁽¹⁾ThS ⁽²⁾PGS TS Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đấu kiếm là môn thể thao đòi hỏi sự kết hợp linh hoạt giữa thể lực, kỹ thuật và chiến thuật để đạt hiệu quả thi đấu tối ưu. Trong đó, nội dung Kiếm liễu có đặc thù riêng với yêu cầu cao về tốc độ, phản xạ và chiến thuật tấn công chính xác. Hiện nay, việc đánh giá TĐTL của VĐV Kiếm liễu chủ yếu dựa trên các tiêu chí chung, chưa có tiêu chuẩn cụ thể phù hợp với đặc điểm chuyên môn. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xây dựng tiêu chuẩn đánh giá TĐTL cho nam VĐV Kiếm liễu cấp cao Việt Nam, tạo cơ sở khoa học để cải thiện công tác huấn luyện và nâng cao thành tích thi đấu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phỏng vấn, tọa đàm: Phương pháp kiểm tra sự phạm; Phương pháp kiểm tra tâm lý; Phương pháp kiểm tra y học; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn các test, chỉ số đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao

Với mục đích xây dựng tiêu chuẩn đánh giá TĐTL, ngoài việc lựa chọn các chỉ số, test thể lực, nghiên cứu còn tập trung xác định các chỉ số đánh giá về hình thái, chức năng tâm - sinh lý và kỹ thuật - chiến thuật thông qua các bước: 1) Tổng hợp các test, chỉ số thông qua các công trình nghiên cứu khoa học và thực tiễn huấn luyện VĐV Đấu kiếm cấp cao; 2) Phỏng vấn các chuyên gia và nhà khoa học để lựa chọn các test và chỉ số đánh giá; 3) Xác định tính thông báo và độ tin cậy của các test, chỉ số. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 33 test, chỉ số đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu (xem bảng 1).

2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu

2.1. Diễn biến TĐTL qua các chỉ số, test ở các giai đoạn huấn luyện

Nghiên cứu đã tiến hành phân tích kết quả kiểm tra của 10 nam VĐV kiện tướng Đấu kiếm nội dung Kiếm liễu qua các test, chỉ số đánh giá TĐTL ở ba giai đoạn: ban đầu, sau 6 tháng và sau 12 tháng (xem bảng 1). Sau 12 tháng, kết

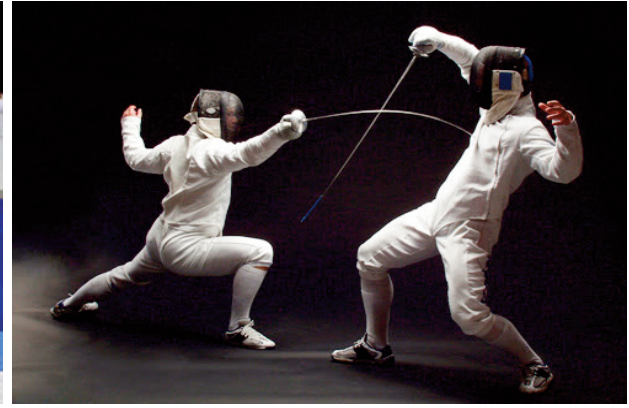
quả cho thấy sự thay đổi rõ rệt ở các test và chỉ số so với thời điểm ban đầu, với giá trị $|t_{\text{tính}}| > t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. VĐV đã có sự cải thiện đáng kể về thể lực, chức năng sinh lý, thần kinh tâm lý và hiệu suất kỹ chiến thuật. Đáng chú ý, $VO_{2\text{max}}$, tốc độ di chuyển, sức bền và độ chính xác trong kỹ thuật được nâng cao, góp phần cải thiện hiệu quả thi đấu. Sự gia tăng rõ rệt về kết quả lập test sau 12 tháng tập luyện khẳng định sự phát triển đáng kể so với thời điểm ban đầu. Kết quả phân tích cho thấy, các tiêu chí đánh giá TĐTL có sự khác biệt giữa các giai đoạn. Vì vậy, việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá TĐTL không thể áp dụng một thang điểm chung cho toàn bộ quá trình huấn luyện mà cần thiết lập các tiêu chuẩn riêng biệt cho từng thời điểm, đặc biệt là sau 12 tháng tập luyện.

2.2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá TĐTL

Để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá TĐTL của VĐV, chúng tôi đã thực hiện theo các bước sau: Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm tiêu chí đã được lựa chọn; Phân loại số liệu theo 5 mức độ: tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Các chỉ số như phương sai (σ), hệ số biến thiên (CV), kiểm định Shapiro-Wilk (W) được sử dụng để đánh giá mức độ đại diện, tính đồng đều và sự phân bố chuẩn của dữ liệu. Việc này giúp loại bỏ những số liệu ngoại lệ không đại diện cho số đông, đảm bảo kết quả phản ánh chính xác TĐTL của đối tượng nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu chi tiết được thể hiện trong các bảng 2, 3 và 4.

Bảng 2 trình bày hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố tác động đến TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm nội dung Kiếm liễu, bao gồm: hình thái, sinh lý, TK - tâm lý, tố chất thể lực và kỹ - chiến thuật. Các giá trị hệ số tương quan đều cao (trên 0.813), cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa các yếu tố này. Đặc biệt, hệ số tương quan tổng hợp đạt 0.934, phản ánh sự liên kết mạnh mẽ giữa các thành phần trong quá trình phát triển TĐTL. Kết quả này khẳng định rằng, sự phát triển đồng bộ về hình thái, chức năng sinh lý, TK - tâm lý, tố chất thể lực và kỹ - chiến thuật đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao TĐTL của VĐV.



Là môn thể thao mới được du nhập và phát triển tại Việt Nam nhưng Đấu kiếm đã thu hút được đông đảo vận động viên tham gia tập luyện và bước đầu đạt thành tích tốt trên đấu trường khu vực và thế giới

Ngoài ra, từ bảng 3, phương trình thể hiện mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố được xây dựng như sau:
 $Y(1,2,3,4,5) = 0.134 \times 1 + 0.130 \times 2 + 0.128 \times 3 + 0.288 \times 4 + 0.254 \times 5$

Tiếp theo, nghiên cứu tiến hành kiểm tra tính phân bố chuẩn của dữ liệu thông qua hệ số biến thiên (CV), sai số tương đối trung bình (ϵ) và kiểm định Shapiro-Wilk (W). Kết quả cho thấy, tất cả các chỉ số kiểm tra đều có mức độ tập trung cao với $CV < 10\%$, giá trị W tính từ kiểm định Shapiro-Wilk đều lớn hơn $W_{bảng} = 0.881$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Điều này khẳng định rằng, các chỉ số, test lựa chọn đều có phân bố chuẩn, đảm bảo độ tin cậy cho việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá TĐTL của VĐV.

Xác định điểm đánh giá tổng hợp theo tỷ trọng ảnh hưởng của từng yếu tố

Dựa trên tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố, tổng điểm tối đa để đánh giá TĐTL của khách thể nghiên cứu được xác định bằng tổng điểm đạt được của các yếu tố thành phần. Cụ thể:

$0.134 + 0.130 + 0.128 + 0.288 + 0.254 = 93.40$ điểm.

Như vậy, tổng điểm đánh giá của từng nhóm tiêu chí sẽ phản ánh tỷ trọng ảnh hưởng của chúng, trong đó điểm số của mỗi nhóm được tính dựa trên tỷ trọng tương ứng. Kết quả quy đổi được trình bày cụ thể trong bảng 6.

Dựa trên kết quả xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần, nghiên cứu đã thực hiện quy đổi theo thang độ C để xây dựng thang điểm đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao nội dung Kiếm liễu. Việc quy đổi này nhằm đảm bảo rằng các tiêu chí đánh giá phản ánh chính xác mức độ quan trọng của từng nhóm yếu tố trong quá trình huấn luyện và thi đấu. Kết quả quy đổi được trình bày chi tiết trong bảng 7.

Trên cơ sở những kết quả nêu trên, bảng tiêu chuẩn xếp loại đánh giá tổng hợp trong đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu đã được xây dựng. Kết quả được cụ thể như trình bày ở bảng 8.

Bảng 1. Diễn biến các test, chỉ số đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu (n = 10)

TT	Nhóm	Chỉ số, test	Ban đầu (1)		Sau 6 tháng (2)		Sau 12 tháng (3)		t ₁₂	t ₂₃	t ₁₃	W ₁₂	W ₂₃	W ₃₁
			x	±δ	x	±δ	x	±δ						
1	Hình thái	Chiều cao đứng (cm)	182.41	1.96	183.50	1.96	183.70	2.00	0.63	1.00	1.92	0.60	0.11	0.70
2		Cân nặng (kg)	77.21	2.38	77.48	2.45	77.90	2.42	2.24	2.50	3.16	0.35	0.54	0.89
3		Chiều dài tay (cm)	82.09	0.82	82.13	0.79	82.34	0.82	0.37	0.56	0.85	0.05	0.26	0.30
4		Chiều dài chân A (cm)	104.93	2.20	105.17	2.16	105.20	2.20	0.47	0.37	0.87	0.23	0.03	0.26
5	Sinh lý	Tần số hô hấp (l/p)	11.30	0.82	12.10	0.57	13.20	0.63	3.21	3.00	5.14	6.84	8.70	15.51
6		Dung tích sống (VC) (lít)	5.39	0.14	5.48	0.17	5.62	0.16	1.83	2.79	3.55	1.66	2.52	4.18
7		VO ₂ max tuyệt đối (l/p)	4.42	0.13	4.45	0.11	4.46	0.11	1.70	2.00	3.13	0.68	0.22	0.90
8		VO ₂ max tương đối (ml/ph/kg)	57.01	0.86	57.22	0.88	57.51	0.89	1.75	1.43	2.39	0.37	0.51	0.87
9	Thần kinh - tâm lý	Thông khí phổi/phút – VE (lít)/phút	153.88	1.58	153.86	1.69	154.11	2.65	0.21	1.90	6.38	0.01	0.16	0.15
10		Phản xạ đơn (ms)	157.19	1.30	156.97	1.30	156.95	2.31	2.26	.26	4.72	0.14	0.01	0.15
11		Phản xạ phức (ms)	279.84	0.75	279.69	0.77	279.59	0.75	1.25	1.20	2.36	0.05	0.04	0.09
12		Chú ý tổng hợp (p)	4.49	0.13	4.62	0.12	4.75	0.12	1.76	1.00	2.93	2.85	2.77	5.63
13		Độ ổn định chú ý (đ)	25.30	1.34	26.40	01.07	27.30	1.16	3.50	3.00	6.71	4.26	3.35	7.60
14		Nỗ lực ý chí (đ)	47.69	0.53	47.81	0.62	47.97	0.61	1.95	1.34	3.45	0.25	0.33	0.59
15	Thể lực	Chạy 30m XPC (s)	4.29	0.04	4.26	0.03	4.24	0.03	2.10	2.33	2.61	0.70	0.47	1.17
16		Chạy 1500m (p)	5.50	0.08	5.35	0.06	5.21	0.06	1.12	1.48	5.21	2.76	2.65	5.42
17		Di chuyển ngang qua lại 3m, tay chạm móc 10 lần (s)	11.38	0.64	11.13	0.32	11.10	0.35	3.39	1.95	4.63	2.22	0.27	2.49
18		Di chuyển bộ pháp Đấu kiếm tiến lùi các móc 4m, 6m, 8m (s)	12.79	0.33	12.57	0.30	12.50	0.43	2.98	3.86	6.94	1.74	0.56	2.29

TT	Nhóm	Chỉ số, test	Ban đầu (1)		Sau 6 tháng (2)		Sau 12 tháng (3)		t ₁₂	t ₂₃	t ₁₃	W ₁₂	W ₂₃	W ₃₁
			$\bar{x}$	$\pm\delta$	$\bar{x}$	$\pm\delta$	$\bar{x}$	$\pm\delta$						
19	Thể lực	Di chuyển tốc độ nhanh nhất 6m, bắt cao rút gối 5 lần, di chuyển lùi tốc độ về vạch xuất phát và chạy tốc độ lên 14m (s)	9.14	0.31	09.02	0.33	8.84	0.32	1.92	2.63	5.97	1.32	02.02	3.34
20		Nhảy dây kép 60 s (sl)	90.40	2.12	91.90	2.33	93.90	2.33	2.18	4.26	06.09	1.65	2.15	3.80
21		Di chuyển bộ pháp tiến lùi 3 lần x14m (s)	25.61	0.50	25.45	0.48	25.31	0.48	1.66	1.00	3.43	0.63	0.55	1.18
22		Di chuyển bộ pháp 2m4m2m thực hiện 5 lượt (s)	18.21	0.65	17.45	0.66	16.56	0.62	2.10	2.49	4.63	4.26	5.23	9.49
23		Đứng bộ pháp tại chỗ cậm kiểm thực hiện động tác đập kiểm tư thế 4-7, 6-8 trong 1 phút (sl)	15.13	1.56	16.67	0.54	17.8	0.33	3.36	3.83	6.14	9.69	6.56	16.22
24	Thể lực	Cầm kiểm nặng 1,5 kg thực hiện kỹ thuật đỡ 2 vòng 4-6 và 7-8 trong 30s (sl)	6.57	1.19	6.95	0.31	7.35	0.26	1.98	2.68	4.56	5.62	5.59	11.21
25		Di chuyển bộ pháp nhanh tiến 2 bước, lùi 2 bước trong 30 giây (sl)	8.62	1.23	9.11	0.45	9.15	0.35	1.20	2.14	2.33	5.53	0.44	5.97
26		Cầm kiểm đâm xoạc nhanh tới đa vào đích trong 30 giây (sl)	23.56	1.23	25.12	1.48	25.92	1.38	3.00	1.50	4.62	6.41	3.13	9.54
27		Bước trước 1 bước, đâm xoạc thẳng vào bia đích 10 lần (s)	11.31	0.56	12.26	0.56	13.31	0.54	02.03	3.35	5.00	08.06	8.21	16.25
28		Tại chỗ đâm xoạc vào các điểm 4,6,7,8 đâm vào bia đích theo tín hiệu đọc số 20s (sl)	16.10	0.52	17.60	0.97	18.70	0.85	2.50	4.21	9.00	8.90	06.06	14.94
29	Kĩ chiến thuật	Phòng thủ 4, đâm chuyển cầu vào bia đích 10 lần (s)	8.97	0.25	8.86	0.27	8.76	0.24	2.56	2.60	6.69	1.23	1.14	2.37
30		Tại chỗ đâm lao vào bia đích 10 lần (s)	8.66	0.43	9.68	0.45	10.66	0.46	3.33	3.59	6.72	11.12	9.64	20.70
31		Tại chỗ chuyển cầu đâm số 4, 6, 8 trong 20s (sl)	11.00	0.34	11.40	0.36	12.40	0.74	1.50	2.00	5.25	3.57	8.40	11.97
32		Tại chỗ đâm xoạc thẳng vào bia đích 10 lần (s)	11.36	0.36	11.35	0.18	11.54	0.35	0.07	3.50	4.62	0.09	1.66	1.57
33		Tại chỗ chuyển cầu 2 lần đâm xoạc thẳng vào bia đích 15 lần (s)	24.89	0.42	25.18	0.39	25.86	0.44	04.03	02.06	6.73	1.16	2.66	3.82

Bảng 2. Hệ số tương quan giữa các yếu tố thành phần và hệ số tương quan của các yếu tố đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu

TT	Nhóm yếu tố	1	2	3	4	5
1	Hình thái		845	877	868	816
2	Y sinh			813	889	852
3	Tâm lý				856	858
4	Tổ chất thể lực					872
5	Kỹ - chiến thuật					
Hệ số tương quan đa nhân tố		0.934				

Bảng 3. Tỷ trọng ảnh hưởng (β) của các nhóm yếu tố đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu

Nội dung	Tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố cấu thành TĐTL									
	Hình thái		Sinh lý		Thần kinh - tâm lý		Tổ chất thể lực		Kỹ - chiến thuật	
	Hệ số	% quy đổi	Hệ số	% quy đổi	Hệ số	% quy đổi	Hệ số	% quy đổi	Hệ số	% quy đổi
Kiểm liễu	134	13.40	130	13.00	128	12.80	288	28.80	254	25.40

Bảng 4. Tiêu chuẩn đánh giá phân loại TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu sau một năm tập luyện

TT	Test, chỉ số	Tiêu chuẩn phân loại đánh giá				
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt
1	Chiều cao đứng (cm)	<179.7	179.71-181.7	181.71-185.7	185.71-187.7	>187.71
2	Cân nặng (kg)	<73.06	73.07-75.48	75.49-80.32	80.33-82.74	>82.75
3	Chiều dài tay (cm)	<80.7	80.71-81.52	81.53-83.16	83.17-83.98	>83.99
4	Chiều dài chân A (cm)	<100.8	100.81-103	103.01-107.4	107.41-109.6	>109.61
5	Tần số hô hấp (l/p)	<11.94	11.95-12.57	12.58-13.83	13.84-14.46	>14.47
6	Dung tích sống (VC) (lít)	<5.3	5.31-5.46	5.47-5.78	5.79-5.94	>5.95
7	VO ₂ max tuyệt đối(l/p)	<4.24	4.25-4.35	4.36-4.57	4.58-4.68	>4.69
8	VO ₂ max tương đối (ml/ph/kg)	<55.73	55.74-56.62	56.63-58.4	58.41-59.29	>59.3
9	Thông khí phổi/phút – VE (lít/phút)	<148.81	148.82-151.46	151.47-156.76	156.77-159.41	>159.42
10	Phản xạ đơn (ms)	>161.57	161.56-159.26	159.25-154.64	154.63-152.33	<152.32
11	Phản xạ phức (ms)	>281.09	281.08-280.34	280.33-278.84	278.83-278.09	<278.08
12	Chú ý tổng hợp (p)	>4.99	4.98-4.87	4.86-4.63	4.62-4.51	<4.5
13	Độ ổn định chú ý (đ)	<24.98	24.99-26.14	26.15-28.46	28.47-29.62	>29.63
14	Nỗ lực ý chí (đ)	<46.75	46.76-47.36	47.37-48.58	48.59-49.19	>49.2

TT	Test, chỉ số	Tiêu chuẩn phân loại đánh giá				
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt
15	Chạy 30m XPC (s)	>4.3	4.29-4.27	4.26-4.21	4.2-4.18	<4.17
16	Chạy 1500m (p)	>5.33	5.32-5.27	5.26-5.15	5.14-5.09	<5.08
17	Di chuyển ngang qua lại 3m, tay chạm mốc 10 lần (s)	>11.8	11.79-11.45	11.44-10.75	10.74-10.4	<10.39
18	Di chuyển bộ pháp đầu kiểm tiến lùi các mốc 4m, 6m, 8m (s)	>13.36	13.35-12.93	12.92-12.07	12.06-11.64	<11.63
19	Di chuyển tốc độ nhanh nhất 6m, bật cao rút gối 5 lần, di chuyển lùi tốc độ về vạch xuất phát và chạy tốc độ lên 14m (s)	>9.48	9.47-9.16	9.15-8.52	8.51-8.2	<8.19
20	Nhảy dây kép 60 s (sl)	<89.24	89.25-91.57	91.58-96.23	96.24-98.56	>98.57
21	Di chuyển bộ pháp tiến lùi 3 lần x14m (s)	>26.27	26.26-25.79	25.78-24.83	24.82-24.35	<24.34
22	Di chuyển bộ pháp 2m-4m-2m thực hiện 5 lượt (s)	>17.8	17.79-17.18	17.17-15.94	15.93-15.32	<15.31
23	Đứng bộ pháp tại chỗ cầm kiếm thực hiện động tác đập kiếm tư thế 4-7, 6-8 trong 1 phút (sl)	<17.14	17.15-17.47	17.48-18.13	18.14-18.46	>18.47
24	Cầm kiếm nặng 1,5 kg thực hiện kỹ thuật đỡ 2 vòng 4-6 và 7-8 trong 30s (sl)	<6.83	6.84-7.09	7.1-7.61	7.62-7.87	>7.88
25	Di chuyển bộ pháp nhanh tiến 2 bước, lùi 2 bước trong 30 giây (sl)	<8.45	8.46-8.8	8.81-9.5	9.51-9.85	>9.86
26	Cầm kiếm đâm xoạc nhanh tối đa vào đích trong 30 giây (sl)	<23.16	23.17-24.54	24.55-27.3	27.31-28.68	>28.69
27	Bước trước 1 bước đâm xoạc thẳng vào bia đích 10 lần (s)	<12.23	12.24-12.77	12.78-13.85	13.86-14.39	>14.4
28	Tại chỗ đâm xoạc vào các điểm 4,6,7,8 đâm vào bia đích theo tín hiệu đọc số 20s (sl)	<17	17.01-17.85	17.86-19.55	19.56-20.4	>20.41
29	Phòng thủ 4 đâm chuyển cầu vào bia đích 10 lần (s)	<8.28	8.29-8.52	8.53-9	9.01-9.24	>9.25
30	Tại chỗ đâm lao vào bia đích 10 lần (s)	<9.74	9.75-10.2	10.21-11.12	11.13-11.58	>11.59
31	Tại chỗ chuyển cầu đâm số 4, 6, 8 trong 20s (sl)	<10.92	10.93-11.66	11.67-13.14	13.15-13.88	>13.89
32	Tại chỗ đâm xoạc thẳng vào bia đích 10 lần (s)	<10.84	10.85-11.19	11.2-11.89	11.9-12.24	>12.25
33	Tại chỗ chuyển cầu 2 lần đâm xoạc thẳng vào bia đích 15 lần (s)	<24.98	24.99-25.42	25.43-26.3	26.31-26.74	>26.75

**Bảng 5. Bảng điểm đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam
nội dung Kiểm liễu sau một năm tập luyện**

TT	Test, chỉ số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Chiều cao đứng (cm)	179.70	180.70	181.70	182.70	183.70	184.70	185.70	186.70	187.70	188.70
2	Cân nặng (kg)	73.06	74.27	75.48	76.69	77.90	79.11	80.32	81.53	82.74	83.95
3	Chiều dài tay (cm)	80.70	81.11	81.52	81.93	82.34	82.75	83.16	83.57	83.98	84.39
4	Chiều dài chân A (cm)	100.80	101.90	103.00	104.10	105.20	106.30	107.40	108.50	109.60	110.70
5	Tần số hô hấp (l/p)	11.94	12.26	12.57	12.89	13.20	13.52	13.83	14.15	14.46	14.78
6	Dung tích sống (VC) (lít)	5.30	5.38	5.46	5.54	5.62	5.70	5.78	5.86	5.94	06.02
7	VO ₂ max tuyệt đối (l/p)	4.24	4.30	4.35	4.41	4.46	4.52	4.57	4.63	4.68	4.74
8	VO ₂ max tương đối (ml/ph/kg)	55.73	56.18	56.62	57.07	57.51	57.96	58.40	58.85	59.29	59.74
9	Thông khí phổi/ phút –VE (lít/phút)	148.81	150.14	151.46	152.79	154.11	155.44	156.76	158.09	159.41	160.74
10	Phản xạ đơn (ms)	161.57	160.42	159.26	158.11	156.95	155.80	154.64	153.49	152.33	151.18
11	Phản xạ phức (ms)	281.09	280.72	280.34	279.97	279.59	279.22	278.84	278.47	278.09	277.72
12	Chú ý tổng hợp (p)	4.99	4.93	4.87	4.81	4.75	4.69	4.63	4.57	4.51	4.45
13	Độ ổn định chú ý (đ)	24.98	25.56	26.14	26.72	27.30	27.88	28.46	29.04	29.62	30.20
14	Nỗ lực ý chí (đ)	46.75	47.06	47.36	47.67	47.97	48.28	48.58	48.89	49.19	49.50
15	Chạy 30m XPC (s)	4.30	4.29	4.27	4.26	4.24	4.23	4.21	4.20	4.18	4.17
16	Chạy 1500m (p)	5.33	5.30	5.27	5.24	5.21	5.18	5.15	5.12	05.09	05.06
17	Di chuyển ngang qua lại 3m, tay chạm mốc 10 lần (s)	11.80	11.63	11.45	11.28	11.10	10.93	10.75	10.58	10.40	10.23
18	Di chuyển bộ pháp đấu kiếm tiến lùi các mốc 4m, 6m, 8m (s)	13.36	13.15	12.93	12.72	12.50	12.29	12.07	11.86	11.64	11.43

TT	Test, chỉ số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	Di chuyển tốc độ nhanh nhất 6m, bật cao rút gối 5 lần, di chuyển lùi tốc độ về vạch xuất phát và chạy tốc độ lên 14m (s)	9.48	9.32	9.16	9.00	8.84	8.68	8.52	8.36	8.20	08.04
20	Nhảy dây kép 60 s (sl)	89.24	90.41	91.57	92.74	93.90	95.07	96.23	97.40	98.56	99.73
21	Di chuyển bộ pháp tiến lùi 3 lần x 14m (s)	26.27	26.03	25.79	25.55	25.31	25.07	24.83	24.59	24.35	24.11
22	Di chuyển bộ pháp 2m4m2m thực hiện 5 lượt (s)	17.80	17.49	17.18	16.87	16.56	16.25	15.94	15.63	15.32	15.01
23	Đứng bộ pháp tại chỗ cầm kiểm thực hiện động tác đập kiểm tư thế 4-7, 6-8 trong 1 phút (sl)	17.14	17.31	17.47	17.64	17.80	17.97	18.13	18.30	18.46	18.63
24	Cầm kiểm nặng 1,5 kg thực hiện kỹ thuật đỡ 2 vòng 4-6 và 7-8 trong 30s (sl)	6.83	6.96	07.09	7.22	7.35	7.48	7.61	7.74	7.87	8.00
25	Di chuyển bộ pháp nhanh tiến 2 bước, lùi 2 bước trong 30 giây (sl)	8.45	8.63	8.80	8.98	9.15	9.33	9.50	9.68	9.85	10.03
26	Cầm kiểm đâm xoạc nhanh tối đa vào đích trong 30 giây (sl)	23.16	23.85	24.54	25.23	25.92	26.61	27.30	27.99	28.68	29.37
27	Bước trước 1 bước đâm xoạc thẳng vào bia đích 10 lần (s)	12.23	12.50	12.77	13.04	13.31	13.58	13.85	14.12	14.39	14.66
28	Tại chỗ đâm xoạc vào các điểm 4,6,7,8 đâm vào bia đích theo tín hiệu đọc số 20s (sl)	17.00	17.43	17.85	18.28	18.70	19.13	19.55	19.98	20.40	20.83
29	Phòng thủ 4 đâm chuyên câu vào bia đích 10 lần (s)	8.28	8.40	8.52	8.64	8.76	8.88	9.00	9.12	9.24	9.36
30	Tại chỗ đâm lao vào bia đích 10 lần (s)	9.74	9.97	10.20	10.43	10.66	10.89	11.12	11.35	11.58	11.81
31	Tại chỗ chuyên câu đâm số 4, 6, 8 trong 20s (sl)	10.92	11.29	11.66	12.03	12.40	12.77	13.14	13.51	13.88	14.25
32	Tại chỗ đâm xoạc thẳng vào bia đích 10 lần (s)	10.84	11.02	11.19	11.37	11.54	11.72	11.89	12.07	12.24	12.42
33	Tại chỗ chuyên câu 2 lần đâm xoạc thẳng vào bia đích 15 lần (s)	24.98	25.20	25.42	25.64	25.86	26.08	26.30	26.52	26.74	26.96

Bảng 6. Tổng điểm của các nhóm test, chỉ số đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu sau khi đã quy đổi theo tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần

Tổng điểm đạt theo từng nhóm yếu tố thành phần					Tổng điểm
Hình thái	Sinh lý	Thần kinh - tâm lý	Thể lực	Kỹ - chiến thuật	
13.40	13.00	12.80	28.80	25.40	93.40

Bảng 7. Bảng điểm quy đổi các nhóm yếu tố thành phần đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu từ thang điểm 10 sang thang điểm có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng

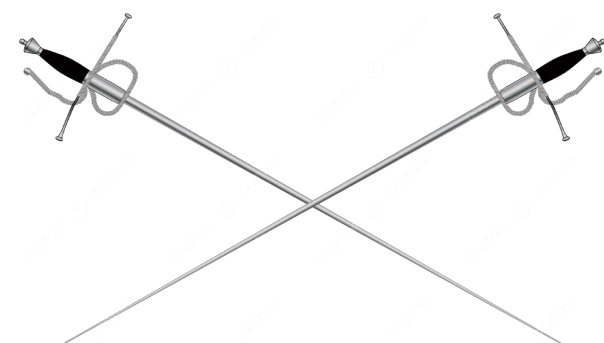
TT	Kết quả quy đổi theo từng nhóm yếu tố thành phần									
	Hình thái		Sinh lý		Thần kinh - tâm lý		Thể lực		Kĩ chiến thuật	
	Tổng điểm theo thang độ C	Điểm quy đổi	Tổng điểm theo thang độ C	Điểm quy đổi	Tổng điểm theo thang độ C	Điểm quy đổi	Tổng điểm theo thang độ C	Điểm quy đổi	Tổng điểm theo thang độ C	Điểm quy đổi
1.	40	13.4	50	13	50	12.8	120	28.8	70	25.4
2.	36	12.06	45	11.7	45	11.52	108	25.92	63	22.86
3.	32	10.72	40	10.4	40	10.24	96	23.04	56	20.32
4.	28	9.38	35	9.1	35	8.96	84	20.16	49	17.78
5.	24	8.04	30	7.8	30	7.68	72	17.28	42	15.24
6.	20	6.7	25	6.5	25	6.4	60	14.4	35	12.7
7.	16	5.36	20	5.2	20	5.12	48	11.52	28	10.16
8.	12	4.02	15	3.9	15	3.84	36	8.64	21	7.62
9.	8	2.68	10	2.6	10	2.56	24	5.76	14	5.08
10.	4	1.34	5	1.3	5	1.28	12	2.88	7	2.54

Bảng 8 đưa ra tiêu chuẩn đánh giá xếp loại tổng hợp về TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu, có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần sau một năm tập luyện. Ứng với tiêu chuẩn này cho phép đánh giá TĐTL của VĐV theo 5 mức: Tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đã xác định được 33 test, chỉ số đánh giá TĐTL, đồng thời xây dựng

tiêu chuẩn đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu. Tiêu chuẩn này được thiết lập dựa trên năm nhóm yếu tố chính: hình thái; sinh lý; thần kinh - tâm lý; tố chất thể lực; kỹ - chiến thuật. Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong công tác tuyển chọn, huấn luyện và theo dõi sự tiến bộ của VĐV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thành tích của Đấu kiếm Việt Nam trên đấu trường quốc tế.



Để tập luyện hiệu quả môn đấu kiếm, các trang thiết bị dụng cụ tập luyện và bảo hộ có ý nghĩa rất quan trọng

Bảng 8. Tiêu chuẩn đánh giá xếp loại tổng hợp trong đánh giá TĐTL của nam VĐV Đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm liễu có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần (thời điểm sau 1 năm tập luyện)

Xếp loại	Điểm tổng hợp có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng (tổng điểm tối đa là 93.40)
Tốt	≥ 84.06
Khá	$65.38 \rightarrow < 84.06$
Trung bình	$46.70 \rightarrow < 65.38$
Yếu	$28.02 \rightarrow < 46.70$
Kém	< 28.02

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương, N. Chí., Lâm, Q. Thành., Trần, Đ. Dũng., Đặng, V. Dũng., & Nguyễn, D. H. Việt. (2014). *Lý luận thể thao thành tích cao*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
- Nguyễn, T. Lý. (2018). *Mô hình vận động viên cấp cao môn thể dục* (Luận án tiến sĩ giáo dục học). Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bùi, Ngọc. (2023). *Ứng dụng công nghệ 4.0 để xây dựng mô hình vận động viên cấp cao môn đấu kiếm* (Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Ngô, H. Thắng. (2022). *Nghiên cứu xây dựng mô hình nam vận động viên cấp cao môn cầu lông qua các giá trị sinh học, sư phạm và tâm lý* (Luận án tiến sĩ giáo dục học). Viện Khoa học Thể dục Thể thao.